

TÌM HIỂU "KHOẢN HỘ" TRONG NÔNG NGHIỆP Ở VINH PHÚC 1966-1968

VŨ THỊ HÒA*

Kinh tế hợp tác xã (HTX) nông nghiệp ở miền Bắc trong thời kì 1958-1975 đã có nhiều đóng góp to lớn đối với sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước. Hợp tác xã trong thời kì này không chỉ đơn thuần là cơ sở sản xuất nông nghiệp mà còn phải đảm đương tất cả lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội, quân sự ở địa phương nhằm xây dựng miền Bắc trở thành hậu phương vững mạnh, làm chỗ dựa cho cả nước đồng thời cũng là tổ chức chủ yếu ở miền Bắc cung cấp nhân lực, vật lực, đáp ứng yêu cầu của tiền tuyến. Tuy nhiên trong quá trình phát triển, kinh tế hợp tác xã đã gặp rất nhiều khó khăn và phát triển thiếu bền vững. Nguyên nhân của tình trạng này chính là ở cơ chế quản lý của hợp tác xã. Cơ chế quản lý của hợp tác xã ngay từ đầu đã bất hợp lý. Đảng, Nhà nước đã có những chủ trương biện pháp để cải tiến cơ chế quản lý kinh tế hợp tác xã nhưng thực tiễn đã có những bước đi nhanh hơn. Khoản hộ ở Vinh Phúc từ năm 1966 đến năm 1968 là một trong những sự kiện đó.

1. Quá trình ra đời của khoán hộ

Cuộc vận động cải tiến quản lý, cải tiến kĩ thuật do Đảng phát động vào năm 1963

đã làm cho Vinh Phúc được mùa liên tiếp 5 vụ. Một trong những nguyên nhân Vinh Phúc được mùa đó là trình độ quản lý ở các hợp tác xã được nâng cao lên một bước, trong đó chế độ "Ba khoán" đã được mở rộng. Đến năm 1964 có 80% hợp tác xã ở Vinh Phúc đã thực hiện chế độ "Ba khoán" (1), trong khi đó, đến năm 1969, ở đồng bằng trung du miền Bắc mới có 70% hợp tác xã thực hiện chế độ "3 khoán" cho đội sản xuất (2). Từ quá trình thực hiện chế độ "Ba khoán" ở miền Bắc, một số địa phương đã đi xa hơn chủ trương của Đảng trong việc cải tiến cơ chế quản lý hợp tác xã, đó là thực hiện khoán hộ, khoán dài ngày cho xã viên. Theo Đặng Phong, ngay từ năm 1962, ở một số huyện ở Hải Phòng như Tiên Lãng, An Lão đã bắt đầu khoán hộ với một số cây công nghiệp, hoa mầu. Bí thư Thành ủy Hải Phòng Hoàng Hữu Nhân có ý đề nghị với Trung ương cho mở rộng khoán hộ thành phong trào và áp dụng khoán hộ với cả cây lúa nhưng không được chấp nhận (3).

Ở Vinh Phúc, từ năm 1963 đã xuất hiện hình thức khoán hộ. Điều đó được phản ánh rải rác trên báo Vinh Phúc từ năm 1963 đến năm 1965. Có thể kể tên một vài

*TS. Khoa Lịch sử - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

bài báo dễ thấy rõ điều đó. Bài *Vấn Quan qua cải tiến quản lý hợp tác xã*: năm 1963, HTX có 18/20 đội sản xuất đã thường xuyên thực hiện được khoán cho nhóm, hộ hay lao động tùy theo tính chất công việc... khoán dài ngày (5); Bài *Nhiều HTX ở Đa Phúc khoán cho hộ xã viên nuôi trâu bò đẻ*: mấy tháng rét đầu năm, Đa Phúc đã giao trâu bò cho học sinh cấp I chăm sóc do đó đã hạn chế được trâu bò gầy, gẻ, chết đói, chết rét. Trước đây số đông HTX thường khoán cho lao động chân đất trâu bò, nay nhà này mai nhà khác do đó ít lấy dục cho trâu bò. Nay khoán cho từng hộ. HTX có quy chế nuôi trâu bò đẻ. Người nuôi được hưởng từ 50-90% nghé tùy chân đất khó hay dễ do đó các hộ chăm sóc trâu bò rất chu đáo (6); Bài *Mở rộng chăn nuôi lập thành tích chào mừng đại hội toàn tỉnh sắp họp* đã nói về HTX Hòa Loan. Ngoài trại chăn nuôi của HTX, các đội sản xuất bắt đầu nuôi lợn. Ngoài giao cho đội, HTX còn giao khoán cho các hộ có kinh nghiệm, có điều kiện chuyên môn. Khi giao khoán cho hộ, HTX khoán chi phí, sản phẩm và giao ruộng đất cho chăn nuôi (7).

Báo *Vinh Phúc* năm 1965 cũng đăng bài nói về HTX Từ Kỳ thực hiện khoán hộ. Năm 1960, HTX được thành lập. Ngoài đất 5%, HTX còn có 10ha đất bãi. Ba năm đầu thành lập, HTX khoán sản lượng cho xã viên trồng rau. Sau đó, HTX bị phê bình là biến tướng của phát canh thu tô và làm phân hóa giàu nghèo. Do đó, năm 1963, HTX thu hồi lại và tổ chức kinh doanh nhưng thất bại (8). Như vậy, từ trước năm 1966, trên đồng ruộng của Vinh Phúc cũng đã có nhiều HTX thực hiện khoán hộ, khoán dài ngày trong đó chủ yếu là khoán cho các loại cây trồng ngoài lúa và chăn nuôi. Đây chính là cơ sở thực tiễn ban đầu để hình thành nên chủ trương "khoán hộ"

của Tỉnh ủy Vinh Phúc (1966-1968). Như vậy, yếu tố mới đã xuất hiện trong cơ chế quản lý HTX nông nghiệp ở miền Bắc.

Nhưng yếu tố trực tiếp tác động đến sự ra đời của Nghị quyết 68-NQ/TƯ ngày 10-9-1966 của Ban Chấp hành tỉnh Vinh Phúc đưa đến công khai thực hiện khoán bộ là do đế quốc Mỹ đẩy chiến tranh ở Việt Nam lên cao với việc tiến hành chiến tranh cục bộ. Chiến tranh ác liệt diễn ra ở cả hai miền Nam Bắc, đều đòi hỏi nhân lực, vật lực nhiều hơn. Chiến tranh đã dẫn đến thiếu nguồn nhân lực làm ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp của tỉnh Vinh Phúc. Sau 5 vụ thắng lợi liên tiếp, đến năm 1966, tình hình sản xuất nông nghiệp của tỉnh Vinh Phúc có chiều hướng giảm dần. Trong Báo cáo số 61 ngày 28-3-1967 của Tỉnh ủy đã đánh giá tình hình sản xuất của năm 1966 là: "*Diện tích và sản lượng một số cây trồng thực bị giảm sút nhiều, nhất là lúa. Tổng sản lượng quy ra thóc bị tụt 37000 tấn. Riêng lúa tụt 32000 tấn so với năm 1965. Do đó mức ăn của nhân dân giảm xuống mỗi người gần 2kg. Phần nghĩa vụ đối với Nhà nước cũng giảm 22000 tấn so với năm 1965*" (9). Trong Báo cáo số 61, Tỉnh ủy đã rút ra nguyên nhân giảm sút trong sản xuất nông nghiệp của Vinh Phúc là: về nguyên nhân khách quan là do thiên tai, chủ quan là do đưa HTX lên quy mô quá lớn, chuyển HTX từ bậc thấp lên bậc cao quá nhanh; Công hữu hóa tư liệu sản xuất một cách ồ ạt, tràn lan như cây lưu niên, cây đặc sản, ao hồ của nhân dân dẫn đến quản lý không nổi; Trình độ quản lý ở các HTX kém dẫn đến tình trạng dòng công phóng điểm, tình trạng tham ô lãng phí chèn chèn; Thu nhập của xã viên từ kinh tế HTX thấp do đó người dân phải trông vào mảnh

ruộng 5% cho thu nhập 60% tổng thu nhập của hộ xã viên.

Nhưng nguyên nhân chính làm giảm sút nông nghiệp ở Vinh Phúc năm 1966 chính là vấn đề lao động. Điều đó thể hiện rõ ở tên Nghị quyết 68-NQ/TU ngày 10-9-1968 *"Về một số vấn đề quản lý lao động nông nghiệp trong hợp tác xã hiện nay"*.

Từ năm 1965, một lực lượng lao động trẻ, khỏe, phần lớn là nam thanh niên rút khỏi nông thôn phục vụ quân đội và các ngành kinh tế khác. Nghị quyết 68-NQ/TU đã nêu rõ: *"Trong mấy năm qua, nhất là năm 1965 và 6 tháng đầu năm 1966, một lực lượng lao động khá lớn rút khỏi nông thôn nhằm đáp ứng các yêu cầu kể trên, phần lớn là lực lượng lao động trẻ, khỏe, nông cốt, chủ chốt"*. Nghị quyết cũng chỉ rõ: *"Tốc độ tăng về lao động chậm hơn tốc độ tăng về dân số, chậm hơn tốc độ tăng về sản lượng lúa. Sự biến động giảm ngày càng nhanh, đang có xu hướng giảm nhiều và mạnh do yêu cầu của tình hình nhiệm vụ mới đề ra. Điều tra điển hình năm 1965 so với năm 1964, lao động độ tuổi 18-25 tuổi giảm 3%. Hàng năm rút đi một lực lượng thanh niên khá lớn (đa số là nam) nhưng nhiệm vụ sản xuất, xây dựng và chiến đấu ở địa phương ngày càng lớn hơn nhiều"*.

Trong một tài liệu khác, tỉnh cũng nêu vấn đề này. Năm 1965 so với năm 1960, tỉ trọng lao động có xu hướng giảm. Năm 1960, lao động chiếm 53,3%. Năm 1965 chiếm 46,92%. Số lượng tuyệt đối về lao động bổ sung hàng năm xấp xỉ số lượng rút khỏi nông thôn. Cụ thể là cứ 100 lao động trong độ tuổi thì có 4,77 người thoát ly và có 4,57 người vào độ tuổi lao động (10). Trong *Lịch sử Đảng bộ Vinh Phúc* cũng viết, từ 1965-1970, Vinh Phúc hoàn thành xuất sắc 30 đợt tuyển quân, 84.156 thanh niên nhập ngũ bằng 6,45% dân số (11).

Để chống chiến tranh phá hoại, Vinh Phúc còn phải xây dựng một lực lượng dân quân tự vệ mạnh. Năm 1965, lực lượng dân quân tự vệ Vinh Phúc chiếm 8,9% dân số; năm 1968 là 13% (12). Vinh Phúc còn xây dựng một đại đội bộ đội địa phương và một đại đội công binh; xây dựng trận địa phòng không, sửa chữa sân bay. Ngoài ra, nhân dân Vinh Phúc còn bỏ ra rất nhiều công sức để xây dựng hầm, hào, xây dựng trận địa phòng không, đảm bảo giao thông phục vụ chiến đấu, thành lập các đội cứu thương, cứu hỏa, đội bồi sắp hầm, đội thông tin, đội vận tải, đội trực chiến...

Trong khi lao động trẻ khỏe, nam giới rút khỏi nông thôn thì công việc ở nông thôn lại tăng lên rất nhiều. Trong sản xuất nông nghiệp, Đảng và Nhà nước chủ trương đẩy mạnh thâm canh, phát triển toàn diện cả lúa, mầu, rau, cây công nghiệp, chăn nuôi, xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật đồng thời phát triển các ngành nghề. Phương hướng phát triển như trên buộc phải đầu tư thêm lao động.

Lao động thiếu trầm trọng. Đồng chí Kim Ngọc đã viết: *"Hiện nay ở đâu và đi đến nơi nào ở nông thôn cũng thấy nói đến vấn đề lao động căng thẳng và nhiều nơi trở thành thường xuyên. Có những HTX mỗi năm phải đưa người đi phát triển kinh tế miền núi, hay kế hoạch phát triển chăn nuôi trên 3000 con lợn thì lao động cũng thiếu to"* (13).

Vấn đề lao động đã trở thành vấn đề nóng bỏng, cấp thiết đối với Vinh Phúc lúc đó. Để giải quyết khó khăn về lao động, trước hết tỉnh tiến hành điều tra đánh giá lại tình hình lao động của cả tỉnh. Tháng 8 năm 1965, tỉnh tiến hành điều tra ở 12 HTX ở các vùng khác nhau trong tỉnh. Kết quả điều tra cho thấy: Tính đến hết năm 1965, lực lượng lao động trong độ tuổi ở

nông thôn Vinh Phúc chiếm 41,4% dân số trong đó nữ chiếm 57%. Lao động từ 16 đến 30 tuổi chiếm 1/3 tổng số lao động của tỉnh (trong đó 2/3 là nữ); Lao động từ 18 đến 35 tuổi chiếm 40%; Lao động từ 36 đến 45 tuổi chiếm 22%. Ngoài ra, số lao động ngoài tuổi có khả năng tham gia lao động chiếm 6% dân số, bằng 20% số lao động.

Phân tích sâu hơn tình hình lao động ở Vinh Phúc, Tỉnh ủy đã chỉ ra vẫn còn nhiều khả năng khai thác nguồn lao động của tỉnh. Cụ thể là: Số ngày lao động cho HTX trong tháng, trong năm của các loại lao động còn thấp, bình quân là 202,6 ngày. Số người lao động trong ngày phổ biến là không đủ 8 tiếng; Hiệu suất lao động trong ngày cũng thấp. Giờ chết, giờ phụ, giờ nghỉ tự do phi lý còn nhiều. Tình trạng trên dẫn đến năng suất lao động rất thấp. Một lao động trồng trọt mới làm ra một số sản phẩm lương thực quy ra thóc đủ nuôi sống 3,9 người. Mỗi ngày một lao động sản xuất ra chưa được 10 cân thóc, 20 cân khoai, 2 cân lạc, 1 cân thuốc lá (14). Một tài liệu khác đã phân tích sâu hơn về khả năng lao động của phụ nữ và lao động ngoài tuổi. Phụ nữ ở tuổi sinh đẻ và bận con mọn chiếm 2/3. Họ chỉ đi làm cho HTX được 88,23% (lực lượng này tham gia lao động ít do bận con mọn); Lao động dưới tuổi mới có 46,35% tham gia cho HTX. Lực lượng này nữ gấp đôi nam vì có một số nghỉ học sớm. Lao động trên tuổi nữ nhiều hơn nam nhưng tham gia lao động ít hơn nam vì nam đa số tham gia trồng cây, ngành nghề. Còn nữ đa số ở nhà trông nom gia đình. Số người phi sản xuất nông nghiệp trong độ tuổi lao động chiếm 8,8% - nam nhiều hơn nữ (15).

Từ sự phân tích trên, Nghị quyết rút ra kết luận: Vấn đề là ở chỗ tổ chức và sử dụng lao động như thế nào để có thể huy động được các lực lượng lao động tham gia

sản xuất và nâng cao năng suất lao động. Sau khi nghiên cứu, bàn bạc, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Vinh Phúc ra quyết định "Về một số vấn đề quản lý lao động trong nông nghiệp trong HTX hiện nay" số 68-NQ/TU ngày 10-9-1966 cho phép thực hiện chế độ khoán hộ trong các HTX nông nghiệp.

2. Quá trình thực hiện khoán hộ

Để nâng cao năng suất lao động, Nghị quyết 68-NQ/TU đã đề ra hai phương hướng, nhiệm vụ chung là:

Một là, phải tạo mọi điều kiện huy động, sử dụng được hết và tốt mọi khả năng lao động hiện có.

Hai là, phải dùng mọi biện pháp để tăng năng suất lao động trong nông nghiệp, đảm bảo nhiệm vụ trung tâm chính trị là sản xuất và chiến đấu.

Từ hai phương hướng cơ bản trên, Nghị quyết nêu ra 6 biện pháp về quản lý lao động của các HTX, các cấp, các ngành trong 2 năm:

1- Ra sức mở rộng kinh doanh toàn diện, phát triển nhiều ngành nghề trong HTX để tận dụng được hết mọi khả năng lao động, phát triển sản xuất, tăng thu nhập, tăng tích lũy, nâng cao đời sống xã viên.

2- Kiên quyết thực hiện bằng được, đúng và tốt chế độ ba khoán: Khoán việc cho nhóm, cho lao động và cho hộ đảm bảo sử dụng hợp lý, sức lao động và nâng cao năng suất lao động.

3- Tích cực cải tiến công cụ sản xuất, trang bị cơ khí nhỏ nhằm không ngừng xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật, sử dụng hợp lý, tiết kiệm sức lao động và tăng năng suất lao động.

4- Phải xác định đúng đắn thái độ lao động, định nghĩa vụ lao động cho từng loại lao động, bảo đảm huy động, sử dụng hết khả năng người, ngày, giờ, kỹ năng lao

động của xã viên phục vụ thâm canh tăng năng suất.

5- Giải quyết một số vấn đề có liên quan đến việc sử dụng hợp lý sức lao động nông nghiệp và tăng năng suất lao động nông nghiệp.

6- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp đảng ủy, của các ngành đối với công tác quản lý nông nghiệp.

6 biện pháp nêu trên đều nhằm thúc đẩy tăng năng suất lao động và tận dụng sức lao động. Các biện pháp này liên quan, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình lao động.

Nhưng trong 6 biện pháp trên thì biện pháp thứ 2 là quan trọng nhất vì như Nghị quyết đã chỉ rõ: *"Hình thức khoán việc cho nhóm, cho lao động, cho hộ và giao khoán riêng từng khâu có tác dụng tăng năng suất lao động nhất, phải áp dụng rộng rãi". "Thực hiện tốt được 3 khoán, khoán nhóm, đến khoán từng lao động, từng hộ, từng khâu canh tác và cả vụ sẽ giải quyết được vấn đề tăng năng suất lao động thiết thực, sẽ kích thích được tính tích cực, đẩy mạnh nâng cao năng suất lao động của từng người, từng nhóm, tập thể HTX từ đó sẽ tránh được ý lại, dựa dẫm, lười biếng, tự do tùy tiện"*.

Kế hoạch hướng dẫn khoán việc cho lao động, cho hộ, cho nhóm trong HTX sản xuất nông nghiệp của Ban Nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc ngày 15-04-1967 nêu rõ hơn về tác dụng của khoán cho lao động và cho hộ:

1. Tận dụng được khả năng lao động: gồm lao động có nghĩa vụ cho tập thể, cán bộ HTX, lao động không chịu sự quản lý của HTX và những người lao động không tích cực (dễ làm khó bỏ, lười biếng, trốn việc...).

2. Giao việc dài ngày góp phần tăng năng suất lao động vì người lao động chủ

động sắp xếp công việc làm lúc nào thì thích hợp (nắng, mưa, sớm, tối). Họ sẽ tìm cách cải tiến công cụ, tăng thời gian lao động, tận dụng lao động phụ của gia đình.

3. Giao được tiêu chuẩn kỹ thuật cụ thể từng việc, từng khâu đến người trực tiếp lao động sẽ động viên được người làm tốt, giáo dục những người làm ẩu.

4. Cân đối được lao động trong từng thời gian, từng vụ, từng năm để xây dựng kế hoạch sản xuất sát hơn, điều hành được nhân lực lúc thừa lúc thiếu hợp lý.

5. Khoán việc dài ngày sẽ tổ chức phân công công việc hợp lý, từ đó có thể chuyên môn hóa lao động sản xuất.

6. Cán bộ đội sản xuất không phải mất nhiều thời gian phân công lao động, bình điểm hàng ngày để có thời gian đi sâu vào quản lý sản xuất, tính toán cách làm ăn, kiểm tra đôn đốc sản xuất kỹ thuật.

7. Xã viên bớt thời gian học hành hàng tối, có thời gian nghỉ ngơi học tập. Phân công khoán việc cho lao động là thực hiện dân chủ trong quản lý lao động.

Sau Nghị quyết 68, Tỉnh ủy và Ban Nông nghiệp Vĩnh Phúc đã vạch ra kế hoạch triển khai Nghị quyết trong thời gian từ 3-6 tháng với nội dung kiểm điểm tình hình thực hiện công tác quản lý lao động trong các HTX, học tập nghị quyết, triển khai nghị quyết ra các đội sản xuất sau đó sơ kết tổng kết rút ra bài học kinh nghiệm, đánh giá tác động của nghị quyết 68 của cơ sở.

Trong thời gian này, tỉnh đã thực hiện thí điểm cách khoán mới ở một số HTX, đó là HTX Thôn Thượng, xã Tuấn Chính, huyện Vĩnh Tường; các HTX ở Đại Đồng khoán sản phẩm cho hộ từ năm 1966 và sau đó là HTX Đồng Xuân, xã Xuân Hòa, huyện Lập Thạch (16). Từ những thí điểm,

cách làm, cách khoán mới, tình đã triển khai nghị quyết ra toàn tỉnh, nhưng chế độ khoán mới đã vấp phải lực cản lớn và khó đi vào thực tiễn vì nhiều nguyên nhân: Thứ nhất, nó trái với đường lối chủ trương của Đảng, với nguyên tắc quản lý hợp tác xã lúc đó; Thứ hai, cán bộ ngại khó vì tính định mức lao động, xếp bậc công việc, ghi chép số liệu ban đầu rất phức tạp. Do đó cán bộ phải có trình độ văn hóa và phải biết nghiệp vụ; Thứ ba, có một số cán bộ ở cơ sở ít hoặc không tham gia sản xuất nhưng vẫn hưởng công cao và chè chén tiệc tùng. Một số xã viên chảy lười, ỷ lại, dựa dẫm người khác.

Có thể thấy rõ những nguyên nhân trên qua bài *"Xây dựng định mức, cuộc đấu tranh tư tưởng gay go"*. Bài báo nói về HTX Tiên Hường là một HTX có nhiều ngành nghề. Nếu thực hiện được 3 khoán phải xây dựng định mức lao động. Khi đưa vấn đề ra thảo luận, đã có nhiều ý kiến phản đối. Họ đưa ra ý kiến nhà nông trăm công nghìn việc nên khó định mức. Bà con đang làm ăn tùy tiện bây giờ làm định mức là làm ăn có kỉ luật, có trách nhiệm rất khó. Khi đưa ra xã viên thảo luận, có nhiều ý kiến thắc mắc: ruộng ít góc, ruộng nhiều góc, ruộng rộng, ruộng hẹp; ngày nắng ngày mưa; gánh lúa xa, gần... Kết quả Tiên Hường đã xây dựng được 700 định mức cho 20 ngành nghề. Tuy nhiên bài báo cũng khẳng định: xây dựng định mức vất vả nhưng mới chỉ là bước đầu, quản lý sử dụng duy trì tốt định mức mới là khâu quan trọng (17).

Để đẩy mạnh cách khoán mới, Ban Nông nghiệp Vĩnh Phúc đã đưa ra hai văn bản hướng dẫn cụ thể: Kế hoạch số 116-BHTX-SX/nng ngày 14-04-1967 và kế hoạch số 52-KH về *"Tiến hành khoán việc cho lao động, cho hộ, cho nhóm trong HTX nông nghiệp"* ngày 15-04-1967.

Kết quả, đến tháng 10-1967 đã có 76% số đội sản xuất thực hiện được khoán việc cho lao động (18). Nhưng trong các HTX, chế độ khoán mới chỉ được thực hiện một phần, chủ yếu là khoán với cây màu, rau, cây công nghiệp và chăn nuôi. Bài nói chuyện của đồng chí Trường Chinh ngày 6-11-1968 tại Hội nghị cán bộ tỉnh Vĩnh Phú (19) đã nêu một số điển hình của khoán hộ cho chúng ta thấy rõ điều đó:

1. Trong trồng trọt, khoán hộ làm một khâu hoặc nhiều khâu sản xuất trong một thời gian dài: như HTX Đồng Xuân, xã Xuân Hòa, huyện Lập Thạch chia ruộng khoán cho hộ làm một hoặc nhiều khâu sản xuất trong một thời gian dài chứ không khoán suốt vụ. Ví dụ chia cho mỗi hộ 3 sào Bắc Bộ để làm đất (gồm cây bừa phát bò vạt góc), cấy (gồm nhổ mạ, gánh mạ, cấy).

2. Khoán cho hộ các khâu suốt vụ dài ngày:

HTX Thôn Thượng, xã Tuấn Chính, huyện Vĩnh Tường năm 1967 sau khi cày bừa xong, thì từ việc cấy, chăm sóc đồng ruộng, làm cỏ bón phân, tát nước đến thu hoạch đều giao khoán cho lao động, thực chất là khoán hộ.

3. Khoán sản lượng cho hộ, cho lao động: phổ biến trong các HTX ở huyện Bình Xuyên. Cụ thể ở HTX Yên Lỗ, xã Đạo Đức có 381 hộ, vụ mùa cấy 300 mẫu Bắc Bộ đem khoán 153 mẫu cho 232 hộ, chiếm 51% ruộng đất và 60,9% số hộ.

HTX 3 xã Đại Đồng, huyện Vĩnh Tường có 198 hộ và tổng diện tích canh tác là 284 mẫu. HTX giao khoán cho hộ làm toàn bộ hoa màu, cây công nghiệp trên 37 mẫu, 4 sào chiếm 14% tổng số diện tích canh tác của HTX. Số hộ nhận khoán là 193 hộ chiếm 96% tổng số hộ. Bình quân mỗi hộ nhận 1 sào 14 thước.

4. Khoán trắng diện tích ruộng đất cho hộ. HTX Tân Lập, huyện Lập Thạch chia cho mỗi lao động 5 thước để trồng khoai lang. Toàn xã đã có 423 hộ, 2161 khẩu. Mỗi nhà chia 5 thước bằng 72 mẫu Bắc Bộ.

HTX Kim Thành đã cho xã viên mượn đất làm riêng, kể cả các loại đất ở và đất trồng trọt chiếm gần 20% tổng diện tích của HTX

Như vậy, các HTX mới chỉ thực hiện khoán từ 14 đến 51% diện tích canh tác và chủ yếu là khoán với cây mầu, cây công nghiệp.

Về chăn nuôi: HTX Yên Lỗ, huyện Bình Xuyên đem khoán cho hộ xã viên chăn nuôi là chính, cho đội chăn nuôi là phụ. Cụ thể là HTX đem 353 con trong tổng số 471 con (chiếm 79%) khoán cho xã viên nuôi.

Về công cụ: HTX Văn Quán, huyện Yên Lãng mua 126 xe cải tiến giao cho đội sản xuất 28 cái, còn 98 cái bán cho xã viên (77,8%) (20).

Qua bài kiểm điểm trên Tạp chí *Học tập* của đồng chí Kim Ngọc, chúng ta cũng có những số liệu sau:

HTX Phú Nhâm, huyện Phú Minh, HTX Đồng Xuân, huyện Lập Thạch bình quân mỗi hộ nhận khoán gồm 4 sào, có hộ làm đến 2 mẫu. Nhiều HTX vùng đồi núi chỉ mới quản lý kinh doanh cây lúa và một số cây đặc sản trên đồi còn số lớn ruộng đất trồng màu thì cho xã viên mượn đất để sản xuất hoặc quản lý kinh doanh theo kiểu "khoán sản phẩm cho hộ". Như huyện Lập Thạch đã khoán sản lượng 2.816 mẫu cho 7.314 hộ; đất đào ao là 55 mẫu cho 739 hộ; đất cho 467 hộ xã viên lấn chiếm mở rộng thổ cư là 89 mẫu, đất do 261 hộ lấn chiếm trồng màu là 110 mẫu, đất giao khoán cho 1.470 hộ nuôi lợn là 306 mẫu. Tổng cộng là 3.376 mẫu, trong đó khoán sản lượng là 2.816 mẫu chiếm 54%. Điều đó cho thấy

khoán sản lượng chiếm ưu thế trong các loại khoán. Về giao khoán công cụ, tỉnh mới chỉ giao được một phần. Tỉnh có 21.034 xe cải tiến. Đến năm 1969 đã bán lại hoặc cấp trên phân phối rồi bán lại cho xã viên là 11.456 xe (54,46%). Tỉnh có 36.257 cào cỏ, HTX giao cho xã viên 9.739 cào cỏ (26,86%) (21).

Như vậy, trong 2 năm 1967-1968, Nghị quyết 68 của Tỉnh ủy đi vào thực tiễn đã xuất hiện nhiều cách khoán hộ khác nhau: khoán việc dài ngày, khoán nhiều khâu lao động cho hộ, khoán sản lượng cho hộ, khoán trắng một số ruộng đất trồng màu cho hộ, cho mượn đất để trồng màu sau khi HTX làm xong một vụ lúa, khoán cho hộ chăn nuôi. Đi cùng với khoán hộ, các HTX đã giao công cụ sản xuất cho xã viên hoặc bán công cụ sản xuất cho xã viên. Những cách làm này là trái với nguyên tắc quản lý của HTX lúc đó. Theo nguyên tắc của mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung, HTX không được khoán cho hộ xã viên và không được khoán dài ngày. Đội sản xuất dựa vào mức công khoán của HTX để giao việc cho các tổ lao động tạm thời hoặc cho cá nhân trong thời gian từ 5-10 ngày. HTX cũng không được giao ruộng đất, trâu bò, công cụ sản xuất cho hộ xã viên. Trong mô hình HTX phổ biến ở các nước XHCN, tập thể hóa đất đai và tư liệu sản xuất là tiêu chí hàng đầu. Kết quả khoán hộ đã góp phần thúc đẩy nông nghiệp sản xuất ở Vinh Phúc. Cụ thể là năm 1965, Vinh Phúc có 131 HTX (chiếm 9,4% tổng số HTX) đạt 5 tấn lúa/ha ruộng 2 vụ. Năm 1967 có 248 HTX (chiếm 21,4%). Như vậy, năm 1967 số HTX đạt 5 tấn/ha, tăng hơn 2 lần so với năm 1965. Năm 1967, Vinh Phúc đã huy động thóc làm nghĩa vụ chỉ đạt 99,5% kế hoạch nhưng các loại nông sản khác lại vượt mức: như hoa mầu, rau xanh làm nghĩa vụ đứng thứ 3 toàn miền Bắc. Thuốc lá thu mua vượt 14%. Thịt bán cho nhà

nước vượt 31,5%. Vĩnh Phúc là một trong 14 đơn vị ở miền Bắc vượt kế hoạch thu mua thịt lợn hơi (22). Điều đó cho thấy rõ tác động của khoán hộ vì trong thời gian này, khoán hộ chủ yếu được thực hiện với hoa màu, rau và chăn nuôi.

Kết quả của khoán hộ cũng được phản ánh một phần nào trên báo Vĩnh Phúc như bài *"Có chế độ hợp lý, biện pháp cụ thể"*. Bài báo viết về HTX Cao Trào (Yên Lập) tăng đàn trâu gấp 3 lần so với năm 1963. Trước đây Cao Trào thường xuyên thiếu sức kéo nên cấy muộn. 4 năm qua, đàn trâu phát triển là do HTX cử cán bộ có kinh nghiệm về thú y sang phụ trách chăn nuôi. HTX bỏ lỗi trả công chăn nuôi bình quân trước đây mà tính công theo từng loại trâu. Người nuôi trâu gầy được trả 100kg thóc/năm; nuôi trâu cái đẻ được 60kg thóc + 80% giá trị con nghé. Nếu nuôi nghé khó khăn thì được hưởng 100%. Do vậy trâu của HTX tăng lên. Năm 1963, HTX có 87 trâu nái; năm 1967 có 170 con (23). Bài *"Có khoán có khác"* nêu lên hai cách làm ăn trước và sau Nghị quyết 68. Cách đây 3 năm, ông đội trưởng di chia thịt con trâu chết được 5 điểm. Người đeo cái mõ mại từ ruộng về nhà được 1 điểm. Công việc tính theo công nhật: một công nam là 10 điểm, một công nữ là 9 điểm. HTX ngăn cổng làng không cho về trước giờ quy định. Xã viên không được về thì lên bờ nói chuyện hoặc đi kiếm con cua, con cá cải thiện bữa ăn, đợi cho hết giờ HTX. Ngay sau Nghị quyết 68 của Tỉnh ủy về lao động ban hành, chỉ bộ, Ban Quản trị HTX Đông Nam nhất trí thực hiện khoán công việc. Lúc đầu một số xã viên, cán bộ không thích vì họ không thể lờ là công việc và phải lao động thực sự mới có công điểm. Kết quả 3 năm khoán, HTX giảm được 186 lao động chính để phục vụ quốc phòng và các ngành kinh

tế khác nhưng HTX vẫn phát triển được thêm 8 ngành nghề, chuyển 133 lao động sang làm ngành nghề và diện tích canh tác tăng thêm 100 mẫu bãi. Mấy vụ này Đông Nam cấy hết diện tích và làm nhanh gọn. Năng suất tăng từ 520kg chiêm, 840kg mùa năm 1967 lên 602kg chiêm, 980kg mùa năm 1968 (chiếm tăng 115,8%; mùa tăng 116,6%). Chỉ tính riêng hai trong 8 ngành nghề là trồng rau thả cá, cả năm qua cũng tăng thu nhập cho HTX 52.000 đồng, góp phần nâng cao mức sống xã viên và tích lũy của HTX (24).

Tuy nhiên "khoán hộ" ở Vĩnh Phúc cũng bộc lộ những mặt hạn chế, chưa hoàn thiện, chưa hợp lý như: HTX khoán ruộng đất cho hộ. Xã viên làm được bao nhiêu hưởng bấy nhiêu, không phải nộp bất cứ một khoản nào cho HTX. *"HTX mất ruộng, đóng thuế cho xã viên mà chẳng thu được gì"* (25); Do vẫn tồn tại hai cách khoán nên xã viên chỉ tập trung lao động và phần bốn tốt cho ruộng khoán. HTX Yên Lỗ, huyện Bình Xuyên có hiện tượng lúa ruộng khoán tốt, lúa ruộng tập thể xấu do vậy sản lượng thóc của HTX giảm. Năm 1967 giảm hơn năm 1966: 74 tấn, Năm 1968 giảm 15 tấn so với 1967. Do sản lượng thóc giảm nên nghĩa vụ đóng cho Nhà nước giảm, năm 1967 đóng góp 138 tấn; năm 1968: 110 tấn (26). Khoán hộ cũng gây mất đoàn kết do xã viên tranh nhau ruộng tốt, gần nhà; tranh nhau công cụ trâu bò. Những hạn chế trên dần được khắc phục qua khoán 100 và khoán 10 sau này.

Khoán hộ ở Vĩnh Phúc được thực hiện trong hơn 2 năm. Cuối năm 1968, Trung ương phát hiện ra khoán hộ ở Vĩnh Phú. Ngày 6-11-1968, đồng chí Trường Chinh đã lên thăm Vĩnh Phú và có bài nói chuyện tại Hội nghị cán bộ của tỉnh Vĩnh Phú. Bài nói chuyện này sau đó được Tỉnh ủy Vĩnh Phú

sao lại gửi cho các cơ sở trong tỉnh học tập và đến tháng 2-1969, Tạp chí *Học tập* đăng toàn văn. Xã luận báo *Nhân dân* ngày 10-01-1969 cũng đăng bài *"Thực hiện tốt chế độ ba khoán trong các HTX nông nghiệp"* cũng phê phán khoán hộ và ngày 12-12-1968, Ban Bí thư trung ương Đảng ra thông tri số 224-TT/TW *về chấn chỉnh công tác ba khoán và quản lý ruộng đất của HTX sản xuất nông nghiệp ở một số địa phương*. Tháng 6-1969, đồng chí Kim Ngọc - Bí thư Tỉnh ủy Vinh Phú đã viết bài: *"Quyết tâm sửa chữa khuyết điểm. Đưa phong trào hợp tác hóa và sản xuất nông nghiệp của tỉnh Vinh Phú vững bước tiến lên"* đăng trong Tạp chí *Học tập*. Khoán hộ ở Vinh Phú bị phê phán gay gắt, bị quy là sai lập trường quan điểm *"Những lệch lạc, sai lầm trong chế độ ba khoán cũng như công tác quản lý tư liệu sản xuất của HTX ở tỉnh Vinh Phú đã có từ năm 1966. Đến nay những sai lầm đó đang trên đà phát triển và tính chất sai lầm lại rất nghiêm trọng vì nó không chỉ thuộc về cách làm, mà thuộc về lập trường quan điểm"* (27).

Khoán hộ còn bị quy là phá vỡ nguyên tắc quản lý XHCN, làm suy yếu kinh tế HTX, phục hồi kinh tế cá thể, kinh tế địa chủ: *"Ba khoán cho hộ" thực chất là chia một phần ruộng đất của HTX cho xã viên làm riêng, đem lao động cá thể thay cho lao động tập thể, phá vỡ nguyên tắc quản lý XHCN"* (28). *"Bằng cách khoán sản lượng cho hộ, một số HTX đã tự biến mình thành người "Phát canh thu tô". "Cứ tình hình này thì chỉ trong một thời gian ngắn, các HTX sản xuất nông nghiệp của tỉnh sẽ bị suy yếu dần hoặc bề ngoài là kinh doanh tập thể XHCN, nhưng thực tế là kinh doanh cá thể"* (29).

Sau khi nhận khuyết điểm, tỉnh Vinh Phú đã chấn chỉnh lại công tác khoán, tập

trung nâng cao và cải tiến trình độ quản lý trong các HTX trong đó tập trung thực hiện nguyên tắc ba khoán và cách tổ chức khoán việc cho các nhóm lao động. Tuy nhiên, một số nơi ở Vinh Phú vẫn thực hiện cách khoán hộ. Đến tháng 9-1979, Ban thường vụ Tỉnh ủy Vinh Phú ra Nghị quyết số 13-NQ/TU thực hiện khoán cây mầu cho hộ và cho xã viên mượn đất đồng thời khuyến khích xã viên khai hoang phục hóa để mở rộng sản xuất. Khoán hộ trở lại ở Vinh Phú nhưng có nét khác với những năm 1966-1968 ở chỗ hình thức khoán chủ yếu là khoán sản lượng và nghị quyết 13-NQ/TU của tỉnh đi nhanh vào thực tế hơn Nghị quyết 68-NQ/TU năm 1966.

3. Kết luận

Từ những vấn đề trình bày ở trên, chúng ta có thể rút ra một số kết luận:

- Khoán hộ ở Vinh Phúc ra đời sớm. Ngay từ đầu thập niên 60 của thế kỷ XX ở một số địa phương miền Bắc đã xuất hiện khoán hộ nhưng mang tính tự phát và "khoán chui". Đến năm 1966, khoán hộ ở Vinh Phúc thực hiện công khai, do Tỉnh ủy chủ trương và tổ chức thực hiện trên quy mô toàn tỉnh. Do đó quy mô và tác động của khoán hộ ở Vinh Phúc lớn hơn rất nhiều so với các địa phương khác. Khoán hộ ở Vinh Phúc và sau đó là Vinh Phú có thể được coi là sự kiện mở đầu cho quá trình đổi mới cơ chế quản lý trong nông nghiệp ở nước ta.

- Khoán hộ ở Vinh Phúc - Vinh Phú mới chỉ là bước đầu, mang tính chất thí điểm, thăm dò. Điều đó thể hiện ở chỗ khoán hộ có đến 4 cách khác nhau và thời gian thực hiện là hai năm, nhưng mới có 70% số hộ sản xuất thực hiện khoán và chủ yếu mới khoán trong chăn nuôi, trồng mầu và cây công nghiệp. Khoán hộ ở Vinh Phúc - Vinh Phú

mới chỉ là những bước cải cách đầu tiên nhằm hạn chế những khiếm khuyết trong cơ chế quản lý HTX nông nghiệp.

- Sự gọi mở các hướng đổi mới trong cơ chế quản lý nông nghiệp và những bài học

CHÚ THÍCH

(1). Kim Ngọc. *10 năm phấn đấu oanh liệt, vẻ vang của Đảng và nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc 1955-1964*. Báo cáo tổng kết 10 năm của Tỉnh ủy Vĩnh Phúc. Kho lưu trữ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc.

(2). *Thực hiện tốt chế độ "Ba khoán" trong hợp tác xã nông nghiệp*. Xã luận báo Nhân dân, ngày 10-01-1969.

(3). Đặng Phong. *"Phá rào" trong kinh tế vào đêm trước đổi mới*. Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2009, tr. 197.

(4), (16), (20), (22), (25), (26), (29). Trường Chinh. *Kiến quyết sửa chữa khuyết điểm, phát huy ưu điểm, đưa phong trào HTX nông nghiệp vững bước tiến lên*. Tạp chí Học tập, tháng 2 năm 1969.

(5). *Vấn Quan qua cải tiến quản lý HTX*. Báo Vĩnh Phúc, ngày 1-1-1963.

(6). *Nhiều HTX ở Đa Phúc khoán cho hộ xã viên nuôi trâu bò đẻ*. Báo Vĩnh Phúc, ngày 8-5-1963.

(7). *Mở rộng chăn nuôi lập thành tích chào mừng đại hội toàn tỉnh sắp họp*. Báo Vĩnh Phúc, ngày 5-9-1964.

(8). *HTX Từ Kỳ thực hiện thâm canh lạc*. Báo Vĩnh Phúc, ngày 27-2-1965.

(9). Ban chấp hành Đảng bộ Vĩnh Phú. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phú*, tập II (1954-1975), tr. 123.

(10). Kim Ngọc. *Vấn đề lao động nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc trước tình hình vừa sản xuất thâm canh đồng thời sẵn sàng chiến đấu chống Mỹ lâu dài*. Ngày 19-09-1966. Kho lưu trữ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc.

(11), (12). Ban chấp hành Đảng bộ Vĩnh Phú. *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Vĩnh Phú*, sdd, tr. 155, 113.

thành công hoặc chưa thành công của khoán hộ Vĩnh Phúc - Vĩnh Phúc đều là những đóng góp quý giá cho sự đổi mới kinh tế nông nghiệp trong thập niên 80 của thế kỷ XX.

(13). Kim Ngọc. *Quán triệt tinh thần, tự lực cánh sinh, giải quyết cho được vấn đề mấu chốt*, ngày 15-11-1966. Kho lưu trữ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc.

(14). Nghị quyết 68-NQ/TU "Về một số vấn đề quản lý lao động nông nghiệp trong HTX hiện nay", ngày 10-9-1966.

(15). Kim Ngọc. *Vấn đề lao động nông nghiệp tỉnh Vĩnh Phúc trước tình hình vừa sản xuất thâm canh đồng thời sẵn sàng chiến đấu chống Mỹ lâu dài*, ngày 19-09-1966. Kho lưu trữ Tỉnh ủy Vĩnh Phúc.

(17). *Xây dựng định mức, cuộc đấu tranh tư tưởng gay go*. Báo Vĩnh Phúc, ngày 25-10-1968.

(18). Báo cáo số 71, ngày 10-10-1967, trích theo Luận văn Thạc sĩ của Vũ Văn Nam: *Chính sách khoán hộ trong nông nghiệp ở Vĩnh Phúc từ 1966-1968*, Khoa Lịch sử, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2010, tr. 83.

(19). Ngày 26-1-1968, Vĩnh Phúc và Phú Thọ sáp nhập thành tỉnh Vĩnh Phú theo Nghị quyết Ủy ban thường vụ Quốc hội số 504-NQ/TVQH. Khoán hộ lúc đó được triển khai ra cả tỉnh Phú Thọ cũ).

(21), (27). Kim Ngọc. *Quyết tâm sửa chữa khuyết điểm đưa phong trào hợp tác hóa và sản xuất nông nghiệp của tỉnh Vĩnh Phúc vững bước tiến lên*. Tạp chí Học tập, tháng 6-1969.

(23). *Có chế độ hợp lý, biện pháp cụ thể*. Báo Vĩnh Phú, ngày 21-05-1968.

(24). *Có khoán có khác*. Báo Vĩnh Phú, ngày 25-10-1968.

(28). *Thực hiện tốt chế độ ba khoán trong các HTX nông nghiệp*. Xã luận báo Nhân dân, ngày 10-01-1969.